

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 04/04/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	406	MRM+RP3	7:25	21+0	0+0		21+1	0+0	
2	426	TD2+TD5+RP2	7:25	12+1+9	0+0+0		3+0+19	0+0+0	
3	406	RP2+RC5+RC6	9:25	20+0+0	0+0+0		9+7+6	0+0+0	
4	426	TD2+CTK3	9:25	11+3	0+0		17+5	0+0	

TTBBSX





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/04/2018	TO: TD2 - TD5 - RP2	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Phong - TTrung - Trường	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	POROMARENKO A.	TD2	67	1	5		105	KHOAN	Russian
2	DEMIN	TD2	55	1	9		116	KHOAN	Russian
3	GUSHEYNOV M.A	TD2	75	1	6	25	77	KHOAN	Russian
4	CHU VAN HUNG	TD2	69	1	2		61	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN VAN HAI	TD2	77	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
6	BUI HUU HONG	TD2	57	1	5		86	KHOAN	Vietnamese
7	VUONG DINH LIEN	TD2	68	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
8	LE VIET CHIEN	TD2	70	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
9	NGO VAN BAC	TD2	56	1	6		76	KHOAN	Vietnamese
10	DO VAN HUNG	TD2	71	1	2		67	KHOAN	Vietnamese
11	MAI VAN HOANG	TD2	74	1	2		60	KHOAN	Vietnamese
12	CAO VAN LOI	TD2	72-73	2	5		70	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN VIET HO	TD5	28	1	15	13	70	DVL	Vietnamese
14	LE HUY TAN	RP2	95-96	2	15	80	64	YTE	Vietnamese
15	VU VAN HOA	RP2	93	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN VAN BINH	RP2	91	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN VAN HOA	RP2	92	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN MINH HUNG	RP2	90	1	12		60	KHOAN	Vietnamese
19	PHAN TRONG THANG	RP2	196	1	12		63	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN HONG YEN	RP2	94	1	15		71	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN SY LUC	RP2	99-100	2	15		75	XAYLAP	Vietnamese
22	TRAN XUAN LOC	RP2	97-98	2	15		56	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	12	13	53	915	25	3		
2	TD5	1	1	15	70	13	0		
3	RP2	9	12	99	585	80	19		
TOTAL		22	26	167	1.570	118	22		
WEIGHT KG				167	1.570	118			

GRAND TOAL: 1.855 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/04/2018	TO: MRM - RP3	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: LBinh - Vn - Toan	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SAVIN ANDREI	MRM	14-15	2	12		75	KHOAN	Russian
2	NGUYEN SY TUAN	MRM	30	1	12		65	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN NGOC NINH	MRM	36-37	2	17		72	KHOAN	Vietnamese
4	PHAM TUNG VY	MRM	09	1	10		67	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN DUY KHIEM	MRM	27	1	9		75	KHOAN	Vietnamese
6	POPOV MIKHAIL	MRM	10	1	7		140	KHOAN	Russian
7	SHLYK VIKTOR	MRM	21	1	12		110	KHOAN	Russian
8	NAUMOV SERGEY	MRM	20	1	10		80	KHOAN	Russian
9	MOLODYKH MIKHAIL	MRM	12	1	9		80	KHOAN	Russian
10	KOPINOV ALEKSANDR	MRM	22	1	10		86	KHOAN	Russian
11	GRITCENKO VLADIMIR	MRM	11	1	12		78	KHOAN	Russian
12	DROZDOV ANDREI	MRM	16	1	5		80	KHOAN	Russian
13	KOVALENKO ARTUR	MRM	13	1	13	48	80	KHOAN	Russian
14	LE MINH HOAN	MRM	23-24	2	11	42	74	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN VAN THANG	MRM	26	1	5		56	KHOAN	Vietnamese
16	TRAN TRUNG THANH	MRM	25	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
17	BULEKOV ALEXEY	MRM	34	1	10		80	KHOAN	Russian
18	VASILCHENKO MIKHAIL	MRM	28	1	5		70	KHOAN	Russian
19	NOVIKOV MIKHAIL	MRM	17	1	10		86	KHOAN	Russian
20	KOSACHEV RUSLAN	MRM					70	KHOAN	Russian

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	20	22	183	1.586	90	21		
2	RP3	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		20	22	183	1.586	90	22		
WEIGHT KG				183	1.586	90			

GRAND TOAL: 1.859 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/04/2018	TO: TD2 - CTK3	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:35
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Phong - TTrung - Trường	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN HUNG HUNG	TD2				110	100	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN VAN XUAN	TD2	98-99	2	6		65	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN DUY LINH	TD2	90	1	6		91	KHOAN	Vietnamese
4	PHAN TUAN LONG	TD2	91	1	14		65	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEEN TRUNG THANH	TD2	93	1	9		70	ANTOAN	Vietnamese
6	HOANG VINH PHU	TD2	92	1	5		75	ANTOAN	Vietnamese
7	NGUYEN TRUONG SINH	TD2	36	1	8	25	76	DVL	Vietnamese
8	ĐAO VAN LONG	TD2	31	1	5	20	72	DVL	Vietnamese
9	BUI VAN THANG	TD2	95	1	4		70	GETRACO	Vietnamese
10	NGUYEN ĐAI DUONG	TD2	34	1	2		76	GETRACO	Vietnamese
11	TRAN HUU THUONG	TD2	35	1	9		81	GETRACO	Vietnamese
12	BUI SON HAI	TD2	94	1	5		69	D-HANH	II
13	ĐANG XUAN SON	CTK3	33-34	2	14	20	76	KH-THAC	Vietnamese
14	DANG THANH HOANG	CTK3	36	1	10		75	SANBAY	Vietnamese
15	TRAN VAN HUU	CTK3	32	1	6		63	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	12	12	73	910	155	16		
2	CTK3	3	4	30	214	20	6		+1 NB.VE
<b>TOTAL</b>		<b>15</b>	<b>16</b>	<b>103</b>	<b>1.124</b>	<b>175</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>103</b>	<b>1.124</b>	<b>175</b>			

GRAND TOAL:

1.402 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/04/2018	TO: RP2 - RC5 - RC6	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:30
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: LBinh - Văn - Toan	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG VAN THUYET	RP2	38	1	7		60	XAYLAP	Vietnamese
2	HOANG VAN BA	RP2	46	1	13		65	XAYLAP	Vietnamese
3	DOAN QUANG TRUNG	RP2	33	1	12		60	XAYLAP	Vietnamese
4	HA VAN NHIEM	RP2	45	1	12	12	70	XAYLAP	Vietnamese
5	HOANG XUAN KIEN	RP2	31-32	2	10		70	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN TRONG NHAT	RP2	26	1	8		52	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN DINH TOI	RP2	34-35	2	12		65	XAYLAP	Vietnamese
8	TRAN MANH HUNG	RP2	99	1	8		70	XAYLAP	Vietnamese
9	DO TIEN MANH	RP2	27-28	2	17		72	XAYLAP	Vietnamese
10	TRINH DAC HUNG	RP2	47	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN KIM HA	RP2	48-49	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
12	VUONG HUY HOAN	RP2	39-40	2	12		60	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN VAN MANH	RP2	36-37	2	17		60	XAYLAP	Vietnamese
14	LE DUC VIET	RP2	97	1	17		70	XAYLAP	Vietnamese
15	LE VAN DONG	RP2	95-96	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN QUANG TUAN	RP2	43-44	2	17		80	XAYLAP	Vietnamese
17	BUI MANH HA	RP2	29-30	2	14		70	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN VAN THUY	RP2	41-42	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
19	VU ANH MINH	RP2	24-25	2	15		70	T-TIN	Vietnamese
20	DINH TUNG LAM	RP2	50	1	6		65	T-TIN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	20	31	261	1.319	12	9		
2	RC5	0	0	0	0	40	7		
3	RC6	0	0	0	0	0	6		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>31</b>	<b>261</b>	<b>1.319</b>	<b>52</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>261</b>	<b>1.319</b>	<b>52</b>			

GRAND TOAL: 1.632 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 05/04/2018**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	406	CLO+JS2+P4	7:25	7+15+0	0+0+0		4+16+2	0+0+0	
2	426	PPD+TD5+RP1	7:25	8+14+0	0+0+0		6+15+1	0+0+0	
3	428	BK16+TD5+JS2	7:25	5+3+14	0+0+0		0+6+16	0+0+0	
4	406	JS2+RC5+RP2	9:25	10+10+0	0+0+0		0+5+17	0+0+0	
5	406	TD1+P7+BK10	9:25	3+15+0	0+0+0		0+15+7	0+0+0	
6	428	TD3+P1	9:25	20+0	0+0		17+5	0+0	
7	406	RP3+P8+AMD	11:25	4+10+2	0+0+0		0+16+6	0+0+0	

TTBDSX



Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.  
1/ Nhóm Kh-thác đi JS2 (BK5) có hàng thì gửi vào từ chuyến 1.



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/04/2018	TO: CLO - JS2 - P4	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Nam - QViệt - PTUẤN	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN TUAN	CLO	90-91	2	15	20	78	NHA THAU	Vietnamese
2	TRAN VAN HUY	CLO	97	1	14		75	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM TRUNG HIEU	CLO	98	1	15	68	81	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM THAI SON	CLO	96	1	9		68	KH-THAC	Vietnamese
5	THAI QUOC CUONG	CLO	95	1	7		50	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN SANH TRUONG	CLO	94	1	11		60	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN PHUC SANG	CLO	92-93	2	16		65	XAYLAP	Vietnamese
8	TRAN XUAN THI	JS2	95	1	9		57	KHOAN	Vietnamese
9	HO MINH TRINH	JS2	77	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
10	FERRY KURNIAWAN	JS2	64-65	2	12		79	KHOAN	Indonesian
11	AULIA LUTHPIANSYAH	JS2	81	1	10		77	KHOAN	Indonesian
12	PARK JEROME WILFRED BRISTBANE	JS2	66-67	2	15		105	KHOAN	Indian
13	LE KHAC DO VAN	JS2	79	1	15		70	KHOAN	Vietnamese
14	LE MINH LOI	JS2	93	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN DUY HIEP	JS2	94	1	8		65	KHOAN	Vietnamese
16	DINH VAN LAM	JS2	78	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
17	TRAN TUAN NGHIA	JS2	96	1	6		62	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN VAN CANH	JS2	70	1	10		66	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN NGOC HAI	JS2	69	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN NGOC THUONG	JS2	76	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN VAN PHUONG	JS2	63	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYEN DUC MANG	JS2	68	1	10		75	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	7	9	87	477	88	4		
2	JS2	15	17	125	1.082	0	16		
3	P4	0	0	0	0	0	2		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>26</b>	<b>212</b>	<b>1.559</b>	<b>88</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>212</b>	<b>1.559</b>	<b>88</b>			

GRAND TOAL: 1.859 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/04/2018	TO: BK16 - TD5 - JS2	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Khang - TUYẾN - Huy	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BELAIEV	BK16	09	1	8		86	KH-THAC	Russian
2	NGUYEN XUAN ĐÔNG	BK16	12	1	10	10	65	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN MẠNH THƯỜNG	BK16	10	1	9	40	74	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ ĐỨC SANG	BK16	11	1	16		65	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN TRẦN HẢI LONG	BK16	08	1	5		71	NIPI	Vietnamese
6	NGUYỄN KHÁC SƠN	TD5	89	1	10	12	57	XAYLAP	Vietnamese
7	ĐINH QUANG SƠN	TD5	91	1	15		60	XAYLAP	Vietnamese
8	LAI ĐỨC HAO	TD5	86-88	3	18		77	YIE	Vietnamese
9	LE THANH NGOC	JS2	13	1	5		48	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN LINH	JS2	15	1	3		52	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN THAI LAM	JS2	11	1	10		76	KHOAN	Vietnamese
12	LUU VAN LOI	JS2	14	1	12		72	KHOAN	Vietnamese
13	HOANG VAN BON	JS2	12	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN THAI HOP	JS2	16	1	5		58	KHOAN	Vietnamese
15	PHAN HOAI NIEM	JS2	04	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
16	HUA QUANG TAM	JS2	02	1	8		65	KHOAN	Vietnamese
17	VO LE DUY TAN	JS2	03	1	10		82	KHOAN	Vietnamese
18	TRAN BA KHANH	JS2	01	1	12	40	70	KHOAN	Vietnamese
19	CAO VAN VIET	JS2	10	1	16		65	KHOAN	Vietnamese
20	LE PHU QUI	JS2	08-09	2	12		91	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN BA DUY	JS2	06-07	2	12		72	KHOAN	Vietnamese
22	NGO VIỆT PHƯƠNG	JS2	05	1	4		85	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK16	5	5	48	361	50	0		
2	TD5	3	5	43	194	12	6		
3	JS2	14	16	119	971	40	16		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>26</b>	<b>210</b>	<b>1.526</b>	<b>102</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>210</b>	<b>1.526</b>	<b>102</b>			

GRAND TOAL:

1.838 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/04/2018	TO: JS2 - RC5 - RP2	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:30
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Nam - QViệt - PTUẤN	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU MINH ĐỨC	JS2	28	1	12	80	95	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ VĂN NGHĨ	JS2	21	1	10	10	70	KH-THAC	Vietnamese
3	VU CHI CÔNG	JS2	23	1	9		55	KH-THAC	Vietnamese
4	VÕ TRỌNG NHIÊN	JS2	24-25	2	10		45	KH-THAC	Vietnamese
5	YUKHIMCHUK	JS2	19	1	10		80	KH-THAC	Russian
6	LAI ANH TUẤN	JS2	31	1	10		101	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI XUAN TRUONG	JS2	22	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN GIA CUONG	JS2	29-30	2	8		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN NGOC PHAT	JS2	20	1	10		72	XAYLAP	Vietnamese
10	PHẠM VĂN ĐẠO	JS2	26-27	2	20		72	XAYLAP	Vietnamese
11	HOANG MY TRUONG	RC5	03	1	12	20	65	XAYLAP	Vietnamese
12	PHẠM DUY ĐEN	RC5	04	1	10	15	60	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN VAN HAI	RC5	06	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN TRỌNG BACH	RC5	09-10	2	16		70	XAYLAP	Vietnamese
15	LÊ XUAN HAI	RC5	02	1	6		86	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN DINH THANG	RC5	07-08	2	16		75	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	10	13	106	720	90	0		
2	RC5	6	8	70	421	35	5		
3	RP2	0	0	0	0	35	17		
<b>TOTAL</b>		<b>16</b>	<b>21</b>	<b>176</b>	<b>1.141</b>	<b>160</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>176</b>	<b>1.141</b>	<b>160</b>			

GRAND TOAL: 1.477 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/04/2018	TO: TD1 - P7 - BK10	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:35
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - CHIẾN - DTùng	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VŨ QUỐC	TD1	18	1	10		60	DVL	Vietnamese
2	NGUYỄN HỮU VIỆT	TD1	16-17	2	17		70	DVL	Vietnamese
3	LƯU ĐÌNH TRỌNG	TD1	19	1	15		80	DVL	Vietnamese
4	NGÔ QUANG THẮNG	P7	41	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ HỒNG HẠN	P7	32-33	2	17		60	XAYLAP	Vietnamese
6	PHẠM HỒNG QUAN	P7	35	1	15		55	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN HÙNG	P7	34	1	7		67	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN VIỆT HOA	P7	37-38	2	17		60	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN TIẾN ĐỀ	P7	26	1	17		70	XAYLAP	Vietnamese
10	BIÊN XUÂN THẮNG	P7	30-31	2	15		62	XAYLAP	Vietnamese
11	ĐÌNH VŨ TIẾN	P7	42	1	10		78	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐÌNH PHONG	P7	43	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ VĂN KHANH	P7	27-28	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
14	HOANG VĂN NAM	P7	36	1	10	60	70	XAYLAP	Vietnamese
15	LÊ VIỆT ANH ĐỨC	P7	29	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
16	LÊ HUY KHANH	P7	48-49	2	10		67	XAYLAP	Vietnamese
17	LÊ VĂN TÙNG	P7	47	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
18	ĐÌNH QUANG THAI	P7	39-40	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	3	4	42	210	0	0		
2	P7	15	21	189	1.012	60	15		
3	BK10	0	0	0	0	20	7		
<b>TOTAL</b>		<b>18</b>	<b>25</b>	<b>231</b>	<b>1.222</b>	<b>80</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>231</b>	<b>1.222</b>	<b>80</b>			

GRAND TOAL: 1.533 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/04/2018	TO: TD3 - P1	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:40
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: Khang - TUYEN - Huy	ETA: 11:20
vang-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐÓ MẠNH HÀ	TD3	05	1	10		68	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN NGỌC CHIÊN	TD3	15-16	2	10		75	NHA THAU	Vietnamese
3	TRẦN HỮU THỌ	TD3	02	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
4	NGO ĐÌNH HUNG THAI	TD3	14	1	3		79	KHOAN	Vietnamese
5	TRINH DUY SƠN	TD3	13	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
6	ĐÀO TIÊN THIẾT	TD3	03	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
7	ĐẶNG ĐÌNH PHÚC	TD3	01	1	3		90	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ MẠNH THẮNG	TD3	20	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
9	NGO VĂN CHUNG	TD3	04	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
10	TRANG NGỌC HÙNG	TD3	08	1	14	20	58	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN TUẤN ANH	TD3	09	1	10		63	XAYLAP	Vietnamese
12	LUƠNG XUÂN ĐƯỢC	TD3	12	1	4		69	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN TRUNG	TD3					77	PSV	Vietnamese
14	LIU QUÝ TRUNG	TD3	19	1	6		70	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN QUANG	TD3	11	1	5		68	PSV	Vietnamese
16	VƯƠNG ĐỨC HUY	TD3	07	1	10		90	PSV	Vietnamese
17	HOANG VĂN THẮNG	TD3	10	1	3		55	PSV	Vietnamese
18	PHAM VĂN DUẬN	TD3	18	1	2		73	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN LẬP	TD3	06	1	5		62	PSV	Vietnamese
20	PHAN SỸ CAO	TD3	17	1	3		55	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	20	20	110	1.414	20	17		
2	P1	0	0	0	0	20	5		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>20</b>	<b>110</b>	<b>1.414</b>	<b>40</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>110</b>	<b>1.414</b>	<b>40</b>			

GRAND TOAL: 1.564 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/04/2018	TO: RP3 - P8 - AMD	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:30
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: Nam - TRƯỜNG - PTUẤN	ETA: 13:10
Xanh - 3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TA NGOC THANH	RP3	33	1	15		75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN THANH TAM	RP3	34	1	15		78	KH-THAC	Vietnamese
3	LE VAN TIỆP	RP3	36	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN QUOC TRI	RP3	35	1	8	80	70	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐO VAN NGOC	P8	84-85	2	15		85	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN QUOC HUNG	P8	87	1	9		73	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN SON ANH	P8	90	1	14	40	88	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN ĐUC CHUNG	P8	93-94	2	13		60	XAYLAP	Vietnamese
9	HOANG NGOC HA	P8	92	1	13		63	XAYLAP	Vietnamese
10	PHAM BA HOANG	P8	91	1	9		63	XAYLAP	Vietnamese
11	BUI TRONG HOI	P8	96	1	10		67	XAYLAP	Vietnamese
12	VU DUY ĐUC	P8	95	1	14		67	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN PHUC HIEN	P8	88-89	2	17		77	XAYLAP	Vietnamese
14	TRAN VAN TOAN	P8	86	1	14		68	XAYLAP	Vietnamese
15	TRINH BICH NGOC	AMD	02-03	2	12		67	KH-THAC	Vietnamese
16	NGO TRI HUNG	AMD	04	1	5	28	62	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN VAN HOA	AMD	01	1	3		70	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	4	4	48	295	80	0		
2	P8	10	13	128	711	40	16		
3	AMD	3	4	20	199	28	6		
<b>TOTAL</b>		<b>17</b>	<b>21</b>	<b>196</b>	<b>1.205</b>	<b>148</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>196</b>	<b>1.205</b>	<b>148</b>			

GRAND TOAL: 1.549 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 08/04/2018**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PPD	7:25	1+21	0+0		1+19	0+0	
2		BK3+P4	7:25	9+13	0+0		9+13	0+0	
3		PPD+RP2+RP3	9:25	9+0+13	0+0+0		3+0+13	0+0+0	CHUYỂN 2 PAX TỪ RP2-RP3

TTBDSX



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 08-Apr-18	TO: PPD	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Phong - DUONG - Toan	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LAM QUANG NAM	PPD	46	1	5	28	78	KHI	Vietnamese
2	NGUYEN MINH VIEN	PPD	32-33	2	15		71	KHI	Vietnamese
3	XAPITONOV IOC	PPD	35-37	3	18		75	KHI	Russian
4	BERNHIKOV V.N	PPD	38	1	7		109	KHI	Russian
5	ĐINH THE QUẢN	PPD	47	1	5		68	KHI	Vietnamese
6	PHUNG QUANG THANG	PPD	48	1	7		79	KHI	Vietnamese
7	TRẦN VĂN DŨNG	PPD					70	KHI	Vietnamese
8	BUI THANH HAI	PPD	34	1	6	23	60	KHI	Vietnamese
9	VÔ TÁ QUANG	PPD	40	1	4		72	KHI	Vietnamese
10	ĐỖ MINH ĐỨC	PPD	31	1	5		75	KHI	Vietnamese
11	VŨ ĐỨC HOÀNG	PPD	50	1	5		68	KHI	Vietnamese
12	VŨ ĐÓN LONG	PPD	43	1	10		68	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN HUU HAO	PPD	29	1	7		78	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN HA NIN	PPD	45	1	8		75	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN ĐỨC NGỌC	PPD	49	1	5		68	KHI	Vietnamese
16	PHẠM VĂN MŨNG	PPD	44	1	6		78	KHI	Vietnamese
17	NGUYEN THANH SON	PPD	28	1	5		50	KHI	Vietnamese
18	NGUYEN ĐINH HUY	PPD	30	1	6		58	KHI	Vietnamese
19	LÊ MINH PHỤNG	PPD	42	1	5		78	KHI	Vietnamese
20	NGUYEN VAN HA	PPD	41	1	3		58	KHI	Vietnamese
21	PHAN VAN TUNG	PPD	39	1	7	60	73	KHI	Vietnamese
22	PHAM VAN HUU	PPD	54	1	7		68	CO DIEN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	22	24	146	1.577	111	21		
	<b>TOTAL</b>	<b>22</b>	<b>24</b>	<b>146</b>	<b>1.577</b>	<b>111</b>	<b>21</b>		
	<b>WEIGHT KG</b>			<b>146</b>	<b>1.577</b>	<b>111</b>			

GRAND TOAL: 1.834 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/04/2018	TO: PPD - RP2 - RP3	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:30
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Phong - DUONG - Toan	ETA: 11:10
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN XUAN HUYNH	PPD	65	1	5		50	KHI	Vietnamese
2	TRAN SON HAI	PPD	64	1	4		74	KHI	Vietnamese
3	KHONG TIEN DUNG	PPD	63	1	5	15	77	KHI	Vietnamese
4	PHAM DINH THAI	PPD	66	1	6	20	68	KHI	Vietnamese
5	PHAN NGOC AN	PPD	70	1	5		75	CODIEN	Vietnamese
6	LE VAN DUNG	PPD	57-58	2	10		51	CODIEN	Vietnamese
7	LE NGOC HIEP	PPD	47	1	10		82	CODIEN	Vietnamese
8	SOKOLOVA G.	PPD	62	1	10		60	NIPI	Russian
9	NGUYEN TRONG TAM	RP3	44	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	DINH HOAI DUC	RP3	48	1	4		62	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN VAN TAN	RP3					65	KHI	Vietnamese
12	LANH TRUNG DONG	RP3	45	1	4		60	KHI	Vietnamese
13	LE DUC VIET	RP3	49-50	2	6	35	70	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN CHINH THI	RP3	46	1	5		73	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN TRONG TUAN	RP3					74	KHI	Vietnamese
16	NGUYEN VAN CU	RP3	47	1	6		60	KHI	Vietnamese
17	PHAM TRUNG DUNG	RP3	51-52	2	18		80	KHI	Vietnamese
18	PHAM DUY DUNG	RP3					70	KHI	Vietnamese
19	NGUYEN TRUNG KIEN	RP3	53	1	4		72	KHI	Vietnamese
20	NGUYEN QUOC BAO BINH	RP3	43	1	4		62	KHI	Vietnamese
21	LUU THE ANH	RP3					70	KH-THAC	Vietnamese
22	AIKHIN	RP3	42	1	15		85	KH-THAC	Russian

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	8	9	55	537	35	1		CHUYEN 2 PAX RP2 SANG RP3
2	RP2	0	0	0	0	0	0 + 2		
3	RP3	14	12	71	973	35	14		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>21</b>	<b>126</b>	<b>1.510</b>	<b>70</b>	<b>15</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>126</b>	<b>1.510</b>	<b>70</b>			

GRAND TOAL:

1.706 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/04/2018	TO: BK3 - P4	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Hạnh - Linh - Trường	ETA: 09:15
cam-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VAN THIET	BK3	72	1	8		70	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN THANH HUNG	BK3	86	1	14		72	XAYLAP	Vietnamese
3	TRAN VAN HANH	BK3	73-74	2	18	40	60	XAYLAP	Vietnamese
4	DUONG TUAN VIET	BK3	81	1	15		63	XAYLAP	Vietnamese
5	PHAM VAN QUYEN	BK3	82-83	2	18		63	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN NGOC GIAP	BK3	80	1	9		55	XAYLAP	Vietnamese
7	TRAN MINH HOANG	BK3	77-78	2	10		70	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN VU NAM	BK3	79	1	10		77	XAYLAP	Vietnamese
9	DO DANH NGOC	BK3	75-76	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
10	HA QUOC VIET	P4	34	1	5		60	KHI	Vietnamese
11	SUDAKOV A.A	P4	36	1	13		120	KHI	Russian
12	PHAM VAN QUYEN	P4	37	1	5		75	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN BACH DUONG	P4	38	1	5	30	77	KHI	Vietnamese
14	TA VAN QUYNH	P4	33	1	15		75	KHI	Vietnamese
15	TRAN DUY KHUONG	P4	35	1	5		88	KHI	Vietnamese
16	NGUYEN DINH CU	P4	39	1	6		74	KHI	Vietnamese
17	NGUYEN CHIEN CONG	P4	32	1	5		70	KHI	Vietnamese
18	BUI HUU LAN	P4	42	1	5		75	KHI	Vietnamese
19	LE NGOC KY	P4	40	1	5		72	KHI	Vietnamese
20	HOANG HUY TIEN	P4	31	1	5		55	KHI	Vietnamese
21	HOANG THAI DUONG	P4					72	KHI	Vietnamese
22	HOANG SY THAP	P4	41	1	5		80	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK3	9	13	117	600	40	9		
2	P4	13	12	79	993	30	13		
TOTAL		22	25	196	1.593	70	22		
WEIGHT KG				196	1.593	70			

GRAND TOAL: 1.859 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN